

NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ VÀO VIỆT NAM: HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

TS HOÀNG XUÂN LONG

Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Ở nước ta, chính sách nhập công nghệ đã được quy định trong nhiều văn bản, điển hình là: Luật Đầu tư số 59/2005/QH11, Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) số 29/2013/QH13, Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 ban hành theo Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11.4.2012 của Thủ tướng Chính phủ... Bên cạnh những bước tiến và thành công to lớn mà các chính sách nhập công nghệ mang lại, các bất cập trong chính sách và hạn chế trong hoạt động nhập công nghệ đã gây ra những hệ lụy không nhỏ đối với sự phát triển của đất nước. Bài viết đề cập đến một số hạn chế và nguyên nhân của tình trạng nhập công nghệ ở nước ta, cần được tập trung giải quyết.

Vấn đề năng lực nhập công nghệ của doanh nghiệp trong nước

Trước hết là về nguồn tài chính cho nhập công nghệ. Ở nước ta, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và vừa, mới hình thành, không mạnh về tài chính, nên không thể dành nhiều kinh phí cho đổi mới công nghệ và nhập công nghệ. Nhiều ý kiến cho rằng, doanh nghiệp chưa quyết tâm đổi mới công nghệ, nhưng một nguyên nhân quan trọng là khả năng kinh phí hạn hẹp khiến chủ doanh nghiệp phải lựa chọn những ưu tiên khác để duy trì sự tồn tại. Trong khi đó, huy động nguồn kinh phí từ bên ngoài doanh nghiệp để nhập công nghệ còn gặp không ít khó khăn như: chính sách vay vốn từ hệ thống ngân hàng, cơ hội nhận được hỗ trợ kinh phí từ Nhà nước...

Các doanh nghiệp nước ta hạn chế về các năng lực như: năng lực nắm bắt và cập nhật cũng như xử lý thông tin có liên quan đến công nghệ, năng lực lựa chọn và quyết



Yếu kém về trình độ công nghệ của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc nhập công nghệ tiên tiến, hiện đại (ảnh minh họa)

định về công nghệ, năng lực đàm phán trong mua công nghệ... Điều này dẫn tới sự bị động trong đàm phán ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Sử dụng công nghệ nhập hiệu quả cần phải có trình độ công nghệ nhất định. Yếu kém về trình độ công nghệ của doanh nghiệp

Việt Nam đang ảnh hưởng tới việc nhập công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Một số yếu kém về năng lực khác có ảnh hưởng tới nhập công nghệ ở nước ta là khả năng nghiên cứu và phát triển (NC&PT) hỗ trợ cho việc tiếp thu, cải tiến công nghệ nhập, năng lực xây dựng

Về phía doanh nghiệp trong nước, nhìn chung là chưa sẵn sàng, chủ động tham gia vào lan toả công nghệ từ FDI. Lan toả theo chiều ngang vốn phụ thuộc vào nỗ lực của doanh nghiệp trong nước trong việc sao chép công nghệ của doanh nghiệp FDI trong cùng một ngành công nghiệp. Thiếu động lực từ phía doanh nghiệp trong nước, lan toả công nghệ từ FDI không chỉ bị hạn chế cả về bề rộng mà cả chiều sâu.

Một số đặc điểm hạn chế sự lan toả công nghệ từ FDI ở nước ta hiện nay là:

- Cạnh tranh trên thị trường chưa diễn ra mạnh mẽ (nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước) để gây sức ép đủ mạnh đối với các doanh nghiệp trong nước, buộc các doanh nghiệp này phải bắt chước công nghệ của FDI.

- Năng lực công nghệ của các doanh nghiệp trong nước thấp kém, ảnh hưởng tới khả năng tiếp thu công nghệ từ FDI.

- Do phần lớn các doanh nghiệp FDI là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và liên doanh do phía nước ngoài chi phối, nên các doanh nghiệp Việt Nam ít có cơ hội học hỏi công nghệ.

- Thiếu những chính sách thúc đẩy lan toả công nghệ từ FDI. Ở đây ý đồ và kỳ vọng của Nhà nước là rõ ràng, nhưng do chưa có các chính sách cụ thể phù hợp, nên chưa tạo được môi trường khuyến khích quá trình lan toả công nghệ từ FDI sang các doanh nghiệp trong nước.

Có thể nói, nếu như thiếu động lực khiến cho lan toả không mạnh mẽ, thì hạn chế về môi trường làm

cho lan toả chưa liên tục và mở rộng.

Vấn đề đối tác chiến lược trong chuyển giao công nghệ

Cùng với quá trình đẩy mạnh mở cửa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có quan hệ chuyển giao công nghệ với nhiều đối tác khác nhau. Trong số đó có những trường hợp nổi bật về: chuyển giao nhiều công nghệ (chiếm tỷ trọng lớn); chuyển giao công nghệ hiện đại, quan trọng đối với phát triển kinh tế; chuyển giao công nghệ giúp tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

Khó khăn của chúng ta hiện nay là tìm kiếm đối tác chiến lược bởi chưa thiết lập được quan hệ hợp tác chiến lược trong nhập công nghệ. Đó là mối quan hệ sâu, rộng và bền vững trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Mối quan hệ chiến lược trong nhập công nghệ thường liên quan với quan hệ chiến lược trong kinh tế, chính trị... Và cũng có trường hợp, quan hệ chiến lược trong chuyển giao công nghệ là công cụ nhằm phục vụ cho những quan hệ chiến lược khác. Trong Diễn đàn công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với chủ đề “Chuyển giao công nghệ - bước ngoặt của công nghiệp Việt Nam” ngày 9.5.2013, tại Hà Nội do JETRO (Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản tại Hà Nội) và Công ty Reedtradex của Thái Lan cùng VIETRADE (Cục Xúc tiến Thương mại Việt Nam) phối hợp tổ chức, ông Hideo Suzuki - Công sứ Đại sứ quán Nhật Bản nhấn mạnh rằng: “Chuyển giao công nghệ là quá trình chuyển giao kỹ năng, kiến thức, công nghệ, bí quyết sản xuất để đảm bảo công nghệ và các yếu tố liên quan có thể

được đồng đảo người sử dụng dễ dàng tiếp cận hơn. Nhật Bản cũng mong muốn mở rộng hợp tác phát triển với các đối tác hiệu quả. Vì vậy, chuyển giao công nghệ sẽ là chìa khóa cho sự hợp tác đôi bên cùng có lợi” [4].

Thiếu vắng các quan hệ chiến lược về nhập công nghệ trong thời gian qua chủ yếu là do nguyên nhân từ phía Việt Nam. Chúng ta chưa chủ động xúc tiến hình thành mối quan hệ chiến lược. Đặc biệt là còn vướng mắc về: xác định lợi ích cơ bản, lâu dài trong nhập công nghệ (bao gồm cả định hướng nhập công nghệ); xác định khả năng đáp ứng lợi ích cơ bản, lâu dài với các đối tác; nhận biết mức độ, hình thức hợp tác chiến lược phù hợp với từng giai đoạn phát triển; tranh thủ tác động của quan hệ chiến lược về kinh tế, chính trị... tới quan hệ chiến lược về nhập công nghệ. Không thể có được đối tác chiến lược phù hợp nếu không đặt trong quan hệ hợp tác chiến lược. Điều này giúp chúng ta tránh nhầm tưởng đối với những đối tác chiến lược vốn mang tính hình thức.

Các chủ thể tiến hành chuyển giao công nghệ đều đứng trên lợi ích của chính họ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa các dự án FDI với hoạt động chuyển giao công nghệ. Đây không chỉ là mong muốn được tiếp nhận những công nghệ mới, tiên tiến của các nước sở tại mà còn là mong muốn kéo dài vòng đời công nghệ, thải hồi những công nghệ lạc hậu ở các quốc gia phát triển của nhà đầu tư thông qua các dự án FDI... Hiện tại, dạng chuyển giao công nghệ này tồn tại khá phổ biến ở Việt Nam và là thách thức phải vượt

qua nếu muốn thiết lập các quan hệ hợp tác chiến lược trong nhập công nghệ.

Đồng thời, cũng có những trường hợp chúng ta gặp phải bất cập do chỉ tính đến lợi ích đơn phương của mình. Quan hệ Việt Nam và Nhật Bản có nhiều thuận lợi để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ. Đặc điểm FDI của Nhật Bản cũng tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ... Tuy nhiên, tại Diễn đàn kinh tế cao cấp Việt - Nhật, diễn ra tại Hà Nội ngày 5.9.2013, đáp lại yêu cầu của phía Việt Nam đề nghị Nhật Bản đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ bên cạnh việc cung cấp ODA, một số đại biểu của Nhật Bản đã có phản ứng. Ông Toyooki Funakoshi - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tập đoàn Sumitomo khẳng định: “Nếu Chính phủ Việt Nam chỉ ra những đãi ngộ mà họ được hưởng khi chuyển giao công nghệ, chắc chắn các doanh nghiệp sẽ triển khai hoạt động NC&PT tại đây” và bày tỏ quan điểm: “Việt Nam không phải là lựa chọn duy nhất của Nhật Bản... Quan điểm đầu tư của Nhật là muốn đầu tư ở nước nào mà đôi bên cùng có cơ hội phát triển” [5].

Gần đây, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Nhật Bản được đẩy mạnh. Phía Nhật Bản đã cùng Việt Nam xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp điện tử và Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp môi trường và tiết kiệm năng lượng thực hiện Chiến lược công nghiệp hoá của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030... Đây sẽ là

cơ hội để hình thành các quan hệ hợp tác chiến lược giữa nước ta và Nhật Bản trong chuyển giao công nghệ. Để biến cơ hội thành hiện thực, cần có nhiều nỗ lực hình thành và duy trì lợi ích chung của cả hai phía.

Vấn đề vị thế trong nhập công nghệ

Vị thế của phía Việt Nam trong nhập công nghệ từ bên ngoài chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Trong thời gian qua, đã có sự thay đổi ở một số yếu tố ảnh hưởng như: phối hợp giữa nhập công nghệ và xuất khẩu hàng hoá; hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động nhập công nghệ; vị thế về kinh tế và chính trị của đất nước (mở rộng quan hệ đối tác chiến lược, đối tác kinh tế toàn diện với các nước, tạo dựng được vị thế chiến lược của quốc gia trên trường quốc tế...). Thay đổi từ các nhân tố ảnh hưởng hứa hẹn nâng cao vị thế của phía Việt Nam trong chuyển giao công nghệ. Mặc dù vậy, vị thế của chúng ta chưa được cải thiện một cách rõ rệt. Chúng ta vẫn đang ở thế yếu so với phía cung cấp công nghệ.

Hạn chế trong nâng cao vị thế về nhập công nghệ là do mức độ thay đổi chưa lớn của các yếu tố ảnh hưởng nêu trên; đồng thời cũng có nguyên nhân từ sự trì trệ của các yếu tố ảnh hưởng khác. Đó là các yếu tố: chuyển giao công nghệ được tạo ra từ trong nước, xuất khẩu công nghệ ra bên ngoài, liên kết giữa các chủ thể nhập công nghệ, năng lực liên quan tới nhập công nghệ của các chủ thể nhập công nghệ, môi trường hấp dẫn FDI chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Rõ ràng, vị thế của chúng ta

hiện bị kìm hãm bởi những yếu tố bên trong khá cơ bản. Chúng ta đang bất lợi bởi thiếu khả năng tự cung cấp công nghệ, khả năng tạo ra công nghệ có tính chất độc quyền, năng lực nhập công nghệ, bao gồm cả liên kết các hoạt động riêng lẻ thành khối thống nhất, khả năng hấp dẫn đối tác.

Vị thế vốn mang tính chất “mềm”, nhưng có ý nghĩa rất lớn và quyết định tới hoạt động nhập công nghệ. Hoạt động nhập công nghệ gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc nặng nề vào bên ngoài và phía Việt Nam không giành được thế chủ động chính vì một phần quan trọng là do chúng ta ở thế yếu so với các đối tác. Như vậy, cần tích cực nâng cao vị thế trong nhập công nghệ thông qua các yếu tố ảnh hưởng.

Vấn đề phân chia giai đoạn phát triển nhập công nghệ

Nhìn vào hoạt động nhập công nghệ ở nước ta trong thời gian gần đây có thể thấy, những sự thay đổi nhất định theo thời gian trên các mặt: mở rộng và đa dạng hóa các đối tác Việt Nam nhập công nghệ; đa dạng hóa kênh nhập công nghệ; tăng kim ngạch nhập khẩu công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý nhập công nghệ theo hướng mở rộng quyền kinh doanh, giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước, nâng cao vai trò của các công cụ vĩ mô như thuế, lãi suất, tỷ giá.

Đó là những thay đổi đáng ghi nhận, nhưng có đặc điểm: các biến đổi lớn là gắn với quan hệ bên ngoài (trong xu hướng chung về đổi mới và hội nhập của nền kinh tế nói chung), còn nội tại bên trong lại chưa có những bước tiến rõ nét.

Trong chiến lược, chính sách của Nhà nước, phân chia giai đoạn phát triển nhập công nghệ được thể hiện như:

- Giai đoạn 1981-1990: nhập kỹ thuật phải tiến hành có chọn lọc. Ưu tiên cho những kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ làm chủ về mặt kỹ thuật và công nghệ và tạo ra những nguồn xuất khẩu mới [6].

- Giai đoạn 2001-2010: chú trọng nhập khẩu công nghệ cao để đáp ứng yêu cầu của các ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản và sản xuất hàng công nghiệp nhẹ. Tăng cường tiếp cận các thị trường cung ứng công nghệ nguồn và có khả năng đầu tư hiệu quả như Tây Âu, Mỹ, Nhật Bản [7]. Ưu tiên nhập khẩu vật tư, thiết bị và công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu. Tập trung vào nhập thiết bị hiện đại từ các nước có công nghệ nguồn (Mỹ, Nhật, Tây Âu), giảm nhanh tiến tới hạn chế nhập thiết bị công nghệ lạc hậu hoặc công nghệ trung gian [8].

- Giai đoạn 2011-2020 và tiếp theo: đáp ứng yêu cầu nhập khẩu nhóm hàng máy móc thiết bị và công nghệ cao phù hợp với nguồn lực, trình độ sản xuất trong nước và tiết kiệm năng lượng, vật tư. Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu [9].

Như vậy, giữa các giai đoạn lịch sử đã không có những khác biệt đáng kể về định hướng phát triển nhập công nghệ. Nhập công nghệ và chiến lược, chính sách về nhập công nghệ vốn có mối quan

hệ với nhau. Quan hệ thứ nhất: chiến lược, chính sách lấy thực tế làm đối tượng và căn cứ. Do trên thực tế không có bước phát triển, nên mục tiêu, định hướng trong chính sách, chiến lược của giai đoạn sau vẫn phải nhắc lại giai đoạn trước; vấn đề đặt ra phải giải quyết ở giai đoạn sau giống với giai đoạn trước. Quan hệ thứ hai: thực tế diễn ra là kết quả của việc thực hiện chiến lược, chính sách. Bởi thiếu những mục tiêu, định hướng có ý nghĩa mở đường, nên trên thực tế đã không có được các bước tiến mạnh mẽ.

Ở Việt Nam, không chỉ mối quan hệ thứ nhất mà mối quan hệ thứ hai cũng rất nổi bật. Các mục tiêu, định hướng trong chiến lược, chính sách nhập công nghệ của chúng ta thường quá chung chung, có thể ứng với nhiều giai đoạn. Tác động giữa hai quan hệ này dường như đã tạo nên vòng xoáy kìm hãm phát triển của nhập công nghệ.

Phân đoạn phát triển trong nhập công nghệ có ý nghĩa tìm ra các quãng đường nhỏ trên chặng đường lớn. Quãng đường nhỏ gắn với các điều kiện cụ thể, đòi hỏi cách thức phát triển đặc thù. Phân đoạn là cơ sở và điều kiện để xác định các chính sách nhập công nghệ phù hợp với thực tế và thiết thực thúc đẩy phát triển nhập công nghệ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Huyền, "Thua cả Philippines, chẳng vui về gì?", <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/196329/thua-ca-philippines--chang-vui-ve-gi-.html>.
- [2] Hải Nam, "Cần trọng với công nghệ lạc hậu nhập khẩu", *Báo Công thương*, ngày 3.10.2011; Bạch Hoàn, "Công nghệ giá rẻ tràn vào Việt Nam", <http://www.tienphong.vn/Kinh-Te/541105/Cong-nghe-gia-re-tran-vao-Viet-Nam-tpot.html>; Phạm Thế Hưng, "Không áp dụng công nghệ mới có nhiều nguyên nhân", <http://www.baohaiquan.vn/pages/khong-ap-dung-cong-nghe-moi-co-nhieu-nguyen-nhan.aspx>; Nguyễn Minh Phong, "Việt Nam trước nguy cơ thành 'bãi phế thải' công nghệ", <http://www.tienphong.vn/Kinh-Te/593892/VN...>
- [3] Lương Bằng, "Doanh nghiệp đang 'bế tắc về công nghệ'", <http://www.baohaiquan.vn/pages/doanh-nghiep-dang-be-tac-ve-cong-nghe.aspx>; Bảo cáo "Hoạt động của doanh nghiệp tư nhân: Thực trạng, vấn đề và hàm ý chính sách", <http://www.baohaiquan.vn/pages/khong-ap-dung-cong-nghe-moi-co-nhieu-nguyen-nhan.aspx>; NCEIF, "Hiệu ứng lan tỏa công nghệ trong các doanh nghiệp chế biến, chế tạo", <http://www.ncelf.gov.vn/sites/viet/Pages/hieuunglantoacongnghe-nd-15985.html>; Nguyễn Tú Anh, "Doanh nghiệp FDI đã chuyển giao công nghệ?", *Báo Đầu tư Chứng khoán* ngày 5.1.2014.
- [4] Thu Thủy, "Chuyển giao công nghệ bước ngoặt của công nghiệp Việt Nam", <http://www.4p.com.vn/?namhai=chuyen-giao-cong-nghe-buoc-ngoat-cua-cong-nghiep-viet-nam&e=newsdetail&c=11&p=192&n=73>.
- [5] Thanh Bình, "Việt Nam thúc giục Nhật chuyển giao công nghệ", <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/viet-nam-thuc-giuc-nhat-chuyen-giao-cong-nghe-2875071.html>.
- [6] Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 20.4.1981 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật.
- [7] Chỉ thị số 22/2000/CT-TTg ngày 27.10.2000 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển xuất - nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001-2010.
- [8] Công văn số 3936/TM-XNK ngày 14.11.2000 của Bộ Thương mại về việc triển khai Chiến lược phát triển xuất - nhập khẩu thời kỳ 2001-2010.
- [9] Quyết định số 2471/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28.12.2011 phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.